TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03-01-2020
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN – TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán: Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Sang
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lô Thị Diễn
2. Bà Lê Thị Bảy
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 142/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự,

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Gi – Sinh năm 1991
Nơi ĐKHKTT: Thôn Quế Phú, xã Yên Lễ (nay là khu phố Quế Phú, thị trấn Yên Cát), huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ: Thôn Thành Lợi, xã Tân Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ – Sinh năm 1989
Địa chỉ: Thôn Quế Phú, xã Yên Lễ (nay là khu phố Quế Phú, thị trấn Yên Cát), huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
Tại phiên tòa có mặt chị Gi, anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Gi trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 15/3/2013 tại UBND xã Yên Lễ (nay thuộc thị trấn Yên Cát), huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn về chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên rượu chè không chịu khó làm ăn và đánh đập chị. Do không thể chịu đựng được tình trạng như vậy nên đến tháng 8/2019 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Từ đó vợ chồng ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không

thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Đ có một con chung là Nguyễn Thị Linh Ch, sinh ngày 19/12/2013. Từ khi vợ chồng ly thân cháu Ch sinh sống, học tập cùng chị Gi tại gia đình bố mẹ chị Gi. Hiện tại anh Đ mới đón cháu Ch về ở với anh Đ. Chị làm công nhân nhà máy gần nhà nên có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Ngoài ra có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ cùng chung sống với chị nên việc chăm sóc nuôi dậy con đảm bảo. Ly hôn chị Gi đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Gi kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Lễ (nay thuộc TT Yên Cát) huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hay sảy ra cãi vã, súc phạm lẫn nhau. Từ tháng 8/2019 chị Gi bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh đã cố gắng liên lạc với chị Gi nhưng không liên lạc được. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Linh Ch, sinh ngày 19/12/2013. Từ khi vợ chồng ly thân cháu Ch sinh sống học tập bên ngoại cùng chị Gi. Hiện tại anh mới đón cháu Ch về ở với anh. Anh làm công việc tự do tuy công việc không ổn định nhưng cũng đủ điều kiện nuôi con. Nếu ly hôn anh Đ đề nghị được nuôi con, không yêu cầu chị Gi phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, điều kiện sinh hoạt, học tập của con cũng như công việc, thu nhập của chị Gi và anh Đ đúng như các đương sự trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Gi giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ và được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Linh Ch, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ.

Anh Nguyễn Văn Đ xác định tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng nhưng không đồng ý ly hôn. Về con chung: nếu vợ chồng ly hôn anh đề nghị được nuôi con, không yêu cầu chị Gi phải cấp dưỡng; không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện

đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 của BLTTDS. Đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về ly hôn, chị Nguyễn Thị Gi được ly hôn anh anh Nguyễn Văn Đ; Về con chung, giao cháu Nguyễn Thị Linh Ch cho chị Gi trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Gi. Về tài sản, công nợ chung: không yêu cầu nên miễn xét; Về án phí: Chị Gi phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Gi khởi kiện ly hôn anh Nguyễn Văn Đ, anh Đ đăng ký hộ khẩu và đang cư trú tại thôn Quế Phú, xã Yên Lễ (nay là khu phố Quế Phú, thị trấn Yên Cát), huyện Như Xuân. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Gi và anh Nguyễn Văn Đ có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Yên Lễ (nay thuộc UBND thị trấn Yên Cát), huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 15/3/2013 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình làm việc tại Tòa án và xác minh tại địa phương: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh Đ thường xuyên rượu chè không chịu khó làm ăn, vợ chồng thường xuyên, chửi bới xúc phạm nhau nên quan hệ vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Đến tháng 8/2019 vợ chồng ly thân không còn quan tâm gì đến nhau.

Xét hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Gi, cho chị Gi được ly hôn anh Đ là phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Nhận thấy chị Gi và anh Đ đều đề nghị được nuôi con. Từ khi vợ chồng ly thân cháu Ch do chị Gi nuôi dưỡng, chị Gi có điều kiện chăm sóc con đảm bảo. Anh Đ công việc tự do không ổn định, điều kiện chăm sóc con có nhiều khó khăn. Để phù hợp với điều kiện phát triển mọi mặt và tâm lý tốt nhất của con nên giao con cho chị Gi trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Gi không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nên

miễn xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Gi phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Nguyễn Thị Gi được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Giao con là Nguyễn Thị Linh Ch, sinh ngày 19/12/2013 cho chị Gi trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Gi.

Anh Đ được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Gi phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003341 ngày 19/11/2019 của Ch cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân. Chị Gi đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo QĐ tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Gi, anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Văn Sang

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Như Xuân;
- Ch cục THADS huyện Như Xuân;
- Các đương sự;
- UBND TT Yên Cát, huyện Như Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.